| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 8 – 2023
*Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng Nh , sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 96 đường Đ , Khóm B, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Anh Lê Thanh B , sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 64 khóm K , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2023 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Trần Thị Hồng Nh trình bày:*

Chị Trần Thị Hồng Nh và anh Lê Thanh B tự nguyện chung sống, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2014. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có một con chung là cháu Lê Trần Như Y (nữ) sinh ngày 03/7/2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Nh yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh B .

- Về con chung: Chị Trần Thị Hồng Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Trần Như Y (nữ) sinh ngày 03/7/2008 cho đến khi cháu Y thành niên, lao động được theo nguyện vọng của cháu Y. Chị Nh không yêu cầu anh Lê Thanh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Hồng Nh khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị Nh giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của chị Trần Thị Hồng Nh và anh Lê Thanh B ; bản sao Căn cước công dân và bản sao Sổ hộ khẩu của chị Trần Thị Hồng Nh ; bản sao Giấy khai sinh của cháu Lê Trần Như Y.

*Đối với bị đơn anh Lê Thanh B* : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị Nh nhưng anh B không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh B cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh B và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 15/8/2023, bị đơn B vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì

nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Lê Thanh B , trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nh được ly hôn với anh B , giao cho chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị Nhung phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Hồng Nh khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh B và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị Nh được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thanh B đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Lê Trần Như Y cũng như việc không phản đối của anh B ; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Nh về việc kết hôn với anh B được

Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2014 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị Nh và anh B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị Nh và anh B mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị Nh và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh B .

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Lê Trần Như Y (nữ) sinh ngày 03/7/2008 hiện đang sống với mẹ, như vậy chị Nh đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh B , suốt thời gian chị Nh nuôi con, anh B đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh B đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, cháu Y có nguyện vọng được sống với mẹ và chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Trần Như Y (nữ) sinh ngày 03/7/2008 đến khi thành niên theo nguyện vọng của cháu Y. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Nh về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

**Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng Nh  được ly hôn với anh Lê Thanh B .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Trần Như Y (nữ) sinh ngày 03/7/2008 đến khi cháu Y thành niên. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Nh  về việc không yêu cầu anh Lê Thanh B  cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị Trần Thị Hồng Nh  nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Y, chị Nh  có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh B có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng Nh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007823 ngày 13/3/2023 của

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Trần Thị Hồng Nh và anh Lê Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VÕ THỊ HIẾU**

*Nơi nhận:*
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.